

Bản án số: **42/2023/DS-ST**

Ngày: 30 - 8 - 2023.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và mua bán tài sản giữa
bà Y với vợ chồng ông Q, bà H.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **30** tháng **8** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 103/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Hà Vĩnh Y**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

* *Bị đơn:* Vợ chồng ông **Trương Xuân Q**, sinh năm: 1974 và bà **Hồ Thị H**, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Số 69 đường Võ Thị Sáu, Tổ 18, thị trấn N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hà Vĩnh Y trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, bà Y có bán phân bón và cho mượn tiền đối với vợ chồng ông Q, bà H nhiều lần. Tính đến ngày 04/3/2022 bà Y và vợ chồng ông Q, bà H chốt sổ thì vợ chồng ông Q, bà H còn nợ tổng số tiền là 277.877.000đ, vợ chồng ông Q, bà H có ký nhận nợ. Trong số tiền này bao gồm cả gốc và lãi nhưng bà Y không nhớ cụ thể. Ngày 26/6/2023 hai bên đã tính toán lại thì tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 04/3/2023 là 231.441.000đ trong đó tiền lãi suất bà

Y đã tính là 2,5%/tháng. Sau đó, bà Y đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Q, bà H không trả nợ.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/3/2023 là 231.441.000đ, còn tiền lãi từ ngày 05/3/2023 đến nay thì bà Y không yêu cầu tính.

Bị đơn vợ chồng ông Trương Xuân Q, bà Hồ Thị H trình bày:

Vào ngày 04/3/2020 vợ chồng ông Q, bà H có vay của bà Y số tiền 151.700.000đ, cùng ngày có chốt cả phê và ứng thêm số tiền 18.000.000đ. Tổng cộng số tiền vay và ứng cả phê là 169.700.000đ. Sau đó, vợ chồng ông Q, bà H đã trả nợ gốc được 03 lần tổng cộng là 93.680.000đ, như vậy chỉ còn nợ tiền gốc là 76.020.000đ. Nay bà Y khởi kiện thì vợ chồng ông Q, bà H đồng ý trả cho bà Y số tiền gốc là 76.020.000đ và đồng ý trả lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày 04/3/2023.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hà Vĩnh Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*” với vợ chồng ông Trương Xuân Q, bà Hồ Thị H. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, bà Y có bán phân bón và cho mượn tiền đối với vợ chồng ông Q, bà H nhiều lần. Đến ngày 04/3/2022 hai bên đã cùng nhau chốt sổ thì vợ chồng ông Q, bà H còn nợ bà Y số tiền là 277.877.000đ, vợ chồng ông Q, bà H có ký xác nhận nợ nhưng sau đó không trả nợ nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc vợ chồng ông Q, bà H và bà Y có giao dịch dân sự với nhau bằng việc cho vay tiền và có bán phân bón là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể. Ngày 04/3/2022 bà Y và vợ chồng ông Q, bà H đã cùng nhau cộng sổ chốt nợ tính đến ngày 04/3/2022 là 277.877.000đ trong đó bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi nhưng không nhớ cụ thể tiền gốc và tiền lãi là bao nhiêu. Vì vậy, ngày 26/6/2023 bà Y và vợ chồng ông Q, bà H tính toán lại và xác nhận nợ cũ tính đến ngày 04/3/2020 là 151.700.000đ và tiền ứng cả phê là 18.000.000đ, tổng cộng là 169.700.000đ. Sau đó bà Y tính lãi suất và trừ số tiền mà vợ chồng ông Q, bà H đã trả thì còn nợ tổng số tiền là 231.441.000đ và yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H trả số tiền này nhưng vợ chồng ông Q,

bà H chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 76.020.000đ và đồng ý trả lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày 04/3/2023.

Qua xem xét bản tính toán (làm sổ) do bà Y viết ngày 26/6/2023 thể hiện số tiền gốc còn nợ là 169.700.000đ và tiền lãi mà bà Y đã tính theo mức 2,5%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nên cần được xem xét, tính toán lại như sau:

[2.1] Về tiền gốc: Tổng số tiền gốc còn nợ là 169.700.000đ. Sau đó vợ chồng ông Q, bà H cân trả cả phê với số tiền 13.680.000đ (không nhớ cụ thể ngày tháng); Ngày 02/02/2021 chuyển trả số tiền 30.000.000đ và ngày 02/3/2022 chuyển trả số tiền 50.000.000đ, số tiền gốc còn nợ là 76.020.000đ nên cần buộc vợ chồng ông Q, bà H phải có trách nhiệm trả số tiền này cho bà Y là phù hợp và đúng pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay (tương đương 1,67%/tháng) nhưng bà Y và vợ chồng ông Q, bà H lại thỏa thuận mức lãi suất 2,5%/tháng nên phần vượt quá lãi suất giới hạn sẽ không có hiệu lực.

Vì vậy, lãi suất chỉ được tính trên số tiền vay còn nợ kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày 04/3/2023 là 52.290.000đ, cụ thể như sau:

+ Từ ngày 04/3/2020 đến ngày 02/02/2021 là: $(151.700.000đ - 30.000.000đ) \times 1,67\%/tháng \times 11$ tháng (tính tròn tháng) = 22.356.000đ;

+ Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 02/3/2022 là: $(121.700.000đ - 50.000.000đ) \times 1,67\%/tháng \times 13$ tháng (tính tròn tháng) = 15.566.000đ;

+ Từ ngày 04/3/2022 đến ngày 04/3/2023 là: $71.700.000đ \times 1,67\%/tháng \times 12$ tháng (tính tròn tháng) = 14.368.000đ;

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Vĩnh Y đối với vợ chồng ông Trương Xuân Q, bà Hồ Thị H; Buộc vợ chồng ông Trương Xuân Q, bà Hồ Thị H phải trả cho bà Hà Vĩnh Y tổng số tiền là 128.310.000đ.

[3] Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, vợ chồng ông Trương Xuân Q, bà Hồ Thị H phải chịu 6.415.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hà Vĩnh Y phải chịu tiền án phí trên số tiền không được chấp nhận là 5.156.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Vĩnh Y đối với vợ chồng ông Trương Xuân Q, bà Hồ Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*”.

Buộc vợ chồng ông Trương Xuân Q, bà Hồ Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Hà Vĩnh Y tổng số tiền là 128.310.000đ (*Một trăm hai mươi tám triệu ba trăm mười ngàn đồng*), trong đó: Tiền gốc là 76.020.000đ, tiền lãi là 52.290.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Trương Xuân Q, bà Hồ Thị H phải chịu 6.415.000đ (*Sáu triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Hà Vĩnh Y phải chịu 5.156.000đ (*Năm triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.729.000đ (*Bảy triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012888 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Hà Vĩnh Y được nhận lại 2.573.000đ (*Hai triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí thừa.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuY án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

